Mẫu M1

CỤM TRƯỜNG THPT SÓC SƠN - MÊ LINH
ĐIỂM COI KIỂM TRA KHẢO SÁT LỚP 12 THPT
NĂM HỌC 2022-2023
Số 07 : THPT Tiền Phong

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
1	093209	Bùi Đình Anh	31/05/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
2	093210	Lê Hồng Anh	23/07/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
3	093211	Nguyễn Xuân Cát	12/07/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
4	093212	Hoàng Mạnh Đạt	08/07/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
5	093213	Phạm Thiên Đức	07/11/2005	12A1	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
6	093214	Phan Xuân Đức	15/11/2005	12A1	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
7	093215	Nguyễn Như Dũng	07/01/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
8	093216	Hoàng Mạnh Hà	07/03/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
9	093217	Nguyễn Đình Hải	02/09/2005	12A1	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
10	093218	Nguyễn Hữu Huy Hoàng	06/02/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
11	093219	Trần Huy Hoàng	02/07/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
12	093220	Nguyễn Đức Trường Hưng	21/04/2005	12A1	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
13	093221	Nguyễn Tuấn Hưng	30/07/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
14	093222	Phạm Thị Minh Huyền	13/11/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
15	093223	Lê Minh Khánh	24/12/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
16	093224	Trần Thị Khánh Ly	23/09/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
17	093225	Lê Hoàng Đức Mạnh	02/12/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
18	093226	Nguyễn Kiêm Mạnh	04/05/2005	12A1	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
19	093227	Nguyễn Văn Mạnh	28/05/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
20	093228	Phan Huy Mạnh	07/10/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
21	093229	Nguyễn Phương Nam	03/10/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
22	093230	Nguyễn Viết Ngọc	11/07/2005	12A1	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
23	093231	Đặng Văn Quân	07/05/2005	12A	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
24	093232	Vương Văn Quyền	01/08/2005	12D7	THPT Tiền Phong	138	138	141	138		
25	093233	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	03/01/2005	12A	THPT Tiền Phong	139	139	142	139		
26	093234	Nguyễn Tuệ Tài	17/03/2005	12A	THPT Tiền Phong	139	139	142	139		
27	093235	Nguyễn Thị Thanh Thanh	27/10/2005	12A	THPT Tiền Phong	139	139	142	139		
28	093236	Mạch Duy Thành	04/07/2005	12A	THPT Tiền Phong	139	139	142	139		
29	093237	Nguyễn Văn Thành	30/05/2005	12A1	THPT Tiền Phong	139	139	142	139		
30	093238	Đỗ Văn An	05/08/2005	12D7	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
31	093239	Kiều Quốc Bảo An	06/11/2005	12D	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
32	093240	Nguyễn Thành An	21/09/2005	12D3	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
33	093241	Trần Đức An	29/12/2005	12D2	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
34	093242	Vũ Thành An	07/12/2005	12D5	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
35	093243	Bùi Thị Lan Anh	18/09/2005	12D6	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
36	093244	Đặng Tuấn Anh	26/09/2005	12D	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
37	093245	Đinh Lan Anh	27/12/2005	12D7	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
38	093246	Đỗ Thị Ngọc Anh	15/02/2005	12D7	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
39	093247	Lưu Thị Phương Anh	25/03/2005	12D3	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
40	093248	Ngô Quốc Anh	05/09/2005	12D6	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
41	093249	Ngô Thế Anh	19/05/2005	12D2	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
42	093250	Nguyễn Hải Anh	24/12/2005	12A	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
43	093251	Nguyễn Phương Anh	27/01/2005	12D4	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
44	093252	Nguyễn Thị Thùy Anh	12/11/2005	12D	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
45	093253	Nguyễn Thị Vân Anh	25/11/2005	12D	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
46	093254	Nguyễn Thị Anh	19/01/2005	12D1	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
47	093255	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	03/08/2005	12D1	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
48	093256	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/10/2005	12D5	THPT Tiền Phong	139	139		139	143	
49	093257	Nguyễn Thị Lâm Anh	03/01/2005	12D7	THPT Tiền Phong	140	140		140	143	
50	093258	Nguyễn Thúy Anh	08/08/2005	12D4	THPT Tiền Phong	140	140		140	143	
51	093259	Nguyễn Tuấn Anh	30/12/2005	12D6	THPT Tiền Phong	140	140		140	143	
52	093260	Nguyễn Vân Anh	22/12/2005	12D6	THPT Tiền Phong	140	140		140	143	
53	093261	Phan Duy Anh	16/11/2005	12A	THPT Tiền Phong	140	140		140	143	
54	093262	Phan Hải Anh	25/07/2005	12D6	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
55	093263	Trần Hải Anh	31/08/2005	12D7	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
56	093264	Trần Thị Ngọc Anh	30/11/2005	12D1	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
57	093265	Trần Tuấn Anh	01/09/2005	12D2	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
58	093266	Trương Ánh Nguyệt Anh	15/12/2005	12D3	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
59	093267	Võ Thị Ngọc Anh	18/06/2005	12D1	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
60	093268	Nguyễn Minh Ánh	03/02/2005	12D3	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
61	093269	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01/02/2005	12D2	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
62	093270	Trần Thị Ngọc Ánh	04/10/2005	12D	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
63	093271	Võ Thị Ngọc Ánh	02/12/2005	12D1	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
64	093272	Phạm Văn Bắc	17/11/2005	12D2	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
65	093273	Đàm Trí Bách	13/12/2005	12D5	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
66	093274	Nguyễn Hoàng Bách	23/10/2005	12A	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
67	093275	Phan Tự Bách	05/11/2005	12D2	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
68	093276	Hoàng Thái Bảo	21/07/2005	12D5	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
69	093277	Hoàng Văn Bảo	30/05/2005	12D5	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
70	093278	Lê Trần Nguyên Gia Bảo	22/11/2004	12D6	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
71	093279	Nguyễn Gia Bảo	06/02/2005	12D4	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
72	093280	Đặng Thanh Bình	21/05/2005	12D1	THPT Tiền Phong	140	140		140	144	
73	093281	Lê Đăng Bình	22/07/2005	12D3	THPT Tiền Phong	141	141		141	144	
74	093282	Nguyễn Đức Bình	15/11/2005	12D5	THPT Tiền Phong	141	141		141	144	
75	093283	Nguyễn Thị Thanh Bình	30/05/2005	12D1	THPT Tiền Phong	141	141		141	144	
76	093284	Nguyễn Văn Bình	03/07/2005	12D6	THPT Tiền Phong	141	141		141	144	
77	093285	Nguyễn Văn Bình	05/11/2005	12D6	THPT Tiền Phong	141	141		141	144	
78	093286	Phạm Văn Chiến	20/03/2005	12D7	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
79	093287	Phan Văn Chiến	12/05/2005	12D6	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
80	093288	Phạm Đăng Chiển	09/08/2005	12D3	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
81	093289	Nguyễn Văn Chung	24/07/2005	12D5	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
82	093290	PHẠM XUÂN CÔNG	16/03/2005	12D2	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
83	093291	Phạm Văn Cường	19/05/2005	12D	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
84	093292	Ngô Quang Đại	09/12/2005	12D3	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
85	093293	Phạm Thị Đào	21/12/2005	12D7	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
86	093294	Đàm Văn Đạo	06/12/2005	12D3	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
87	093295	Lã Tiến Đạt	20/12/2005	12D2	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
88	093296	Lê Thành Đạt	27/02/2005	12D1	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
89	093297	Nguyễn Phạm Thành Đạt	05/05/2005	12A1	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
90	093298	Nguyễn Tuấn Đạt	02/03/2005	12D5	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
91	093299	Phạm Trọng Đạt	21/01/2005	12D5	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
92	093300	Lê Xuân Điển	25/03/2005	12A1	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
93	093301	Lê Hồng Điệp	19/09/2005	12D5	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
94	093302	Nguyễn Nhân Đồng	04/03/2005	12D2	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
95	093303	Hoàng Anh Đức	03/10/2005	12D6	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
96	093304	Nguyễn Minh Đức	21/04/2005	12A1	THPT Tiền Phong	141	141		141	145	
97	093305	Nguyễn Trung Đức	11/11/2005	12D3	THPT Tiền Phong	142	142		142	145	
98	093306	Phạm Mai Minh Đức	27/08/2005	12D4	THPT Tiền Phong	142	142		142	145	
99	093307	Lê Thùy Dung	09/07/2005	12D7	THPT Tiền Phong	142	142		142	145	
100	093308	Ngô Kiều Dung	05/12/2004	12D5	THPT Tiền Phong	142	142		142	145	
101	093309	Nguyễn Thị Thùy Dung	18/12/2005	12A1	THPT Tiền Phong	142	142		142	145	
102	093310	Lã Văn Dũng	20/03/2005	12D2	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
103	093311	Lê Tuấn Dũng	26/09/2005	12D4	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
104	093312	Lưu Văn Dũng	27/11/2004	12D	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
105	093313	Phạm Quang Dũng	04/03/2005	12A1	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
106	093314	Hoàng Đăng Dương	27/08/2005	12D7	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
107	093315	Lê Thị Thùy Dương	22/12/2005	12D7	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
108	093316	Ngô Thúy Dương	16/01/2005	12D	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
109	093317	Nguyễn Quang Đại Dương	10/03/2005	12D1	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
110	093318	Nguyễn Thị Thùy Dương	04/03/2005	12D6	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
111	093319	Đào Minh Đường	05/12/2005	12D2	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
112	093320	Lê Văn Duy	06/01/2005	12D3	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
113	093321	Nguyễn Công Duy	13/06/2005	12D3	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
114	093322	Nguyễn Quang Duy	13/07/2005	12D	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
115	093323	Nguyễn Tiến Duy	19/04/2005	12A1	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
116	093324	Nguyễn Văn Duy	15/01/2005	12A	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
117	093325	Nguyễn Văn Duy	03/05/2005	12D	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
118	093326	Đinh Thị Trường Giang	23/02/2005	12D4	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
119	093327	Dương Hương Giang	10/02/2005	12D1	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
120	093328	Lưu Hoàng Giang	01/05/2005	12D6	THPT Tiền Phong	142	142		142	146	
121	093329	Nguyễn Đỗ Hương Giang	25/01/2005	12D1	THPT Tiền Phong	143	143		143	146	
122	093330	Nguyễn Thị Hương Giang	15/10/2005	12D2	THPT Tiền Phong	143	143		143	146	
123	093331	Nguyễn Trường Giang	31/08/2005	12D5	THPT Tiền Phong	143	143		143	146	
124	093332	Nguyễn Trường Giang	26/11/2005	12D7	THPT Tiền Phong	143	143		143	146	
125	093333	Tạ Thị Xuân Giang	30/09/2005	12D7	THPT Tiền Phong	143	143		143	146	
126	093334	Trương Hương Giang	16/02/2005	12A1	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
127	093335	Chử Văn Hà	16/07/2005	12D	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
128	093336	Lê Quang Hà	03/01/2005	12D5	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
129	093337	Lê Thu Hà	26/12/2005	12D6	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
130	093338	Nguyễn Thị Bích Hà	23/02/2005	12D	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
131	093339	Nguyễn Thị Thu Hà	12/10/2005	12D1	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
132	093340	Nguyễn Ngọc Hải	13/05/2005	12D	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
133	093341	Nguyễn Ngọc Hải	29/04/2005	12D5	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
134	093342	Nguyễn Quang Hải	26/08/2005	12D1	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
135	093343	Phạm Thị Hải	17/06/2005	12D3	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
136	093344	Lại Đức Hân	13/12/2005	12A1	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
137	093345	Đặng Thị Thanh Hằng	29/12/2005	12D6	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
138	093346	Hồ Thanh Hằng	14/04/2005	12D5	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
139	093347	Nguyễn Bích Hằng	01/12/2005	12D6	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
140	093348	Nguyễn Thị Minh Hằng	08/09/2005	12A1	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
141	093349	Nguyễn Thị Bích Hằng	04/02/2005	12D7	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
142	093350	Phạm Minh Hằng	11/09/2005	12D2	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
143	093351	Tạ Thị Hằng	07/02/2005	12D1	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
144	093352	Nguyễn Nhân Hậu	20/11/2005	12A1	THPT Tiền Phong	143	143		143	147	
145	093353	Nguyễn Thị Thanh Hậu	13/11/2005	12D3	THPT Tiền Phong	144	144		144	147	
146	093354	Tạ Văn Hậu	23/03/2005	12D4	THPT Tiền Phong	144	144		144	147	
147	093355	Trần Thị Hiên	28/05/2005	12D2	THPT Tiền Phong	144	144		144	147	
148	093356	Vũ Hồng Hiên	17/01/2005	12D2	THPT Tiền Phong	144	144		144	147	
149	093357	Phạm Duy Hiến	30/01/2005	12D7	THPT Tiền Phong	144	144		144	147	
150	093358	Lã Thị Thu Hiền	30/09/2005	12D4	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
151	093359	Lê Thu Hiền	07/08/2005	12D3	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
152	093360	Nguyễn Thanh Hiền	12/03/2005	12D4	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
153	093361	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/08/2005	12A1	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
154	093362	Nguyễn Thị Hiền	14/04/2005	12D3	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
155	093363	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/05/2005	12D6	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
156	093364	Nguyễn Văn Hiền	22/07/2005	12D6	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
157	093365	Vương Thị Hiền	15/11/2005	12D4	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
158	093366	Lê Văn Hiệp	07/05/2005	12D4	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
159	093367	Nguyễn Doãn Hiếu	31/01/2005	12A	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
160	093368	Nguyễn Minh Hiếu	20/10/2005	12D7	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
161	093369	Nguyễn Quốc Hiếu	01/06/2005	12D1	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
162	093370	Nguyễn Trung Hiếu	21/02/2005	12D4	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
163	093371	Nguyễn Xuân Hiếu	19/09/2005	12D3	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
164	093372	Trần Thị Hồng Hiếu	18/02/2005	12D5	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
165	093373	Vũ Minh Hiếu	09/09/2005	12A1	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
166	093374	Nguyễn Huy Hiệu	03/07/2005	12D1	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
167	093375	Đinh Thị Hoa	07/03/2005	12A1	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
168	093376	Nguyễn Thị Hồng Hoa	30/06/2005	12D1	THPT Tiền Phong	144	144		144	148	
169	093377	Phan Thị Hoa	21/03/2005	12D5	THPT Tiền Phong	145	145		145	148	
170	093378	Lê Thị Thu Hoài	04/09/2005	12D5	THPT Tiền Phong	145	145		145	148	
171	093379	Vũ Ngọc Hoài	16/11/2005	12D3	THPT Tiền Phong	145	145		145	148	
172	093380	Ngô Trần Hoàn	24/11/2005	12D	THPT Tiền Phong	145	145		145	148	
173	093381	Nguyễn Việt Hoàn	15/10/2005	12D7	THPT Tiền Phong	145	145		145	148	
174	093382	Lê Minh Hoàng	30/09/2005	12D3	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
175	093383	Nguyễn Huy Hoàng	26/12/2005	12D7	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
176	093384	Võ Việt Hoàng	21/09/2005	12D1	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
177	093385	Nguyễn Thị Ánh Hồng	10/10/2005	12D6	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
178	093386	Ngô Văn Huân	03/04/2005	12D1	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
179	093387	Nguyễn Văn Huân	25/09/2005	12D2	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
180	093388	Nguyễn Thị Kim Huế	22/06/2005	12D3	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
181	093389	Nguyễn Thị Huệ	26/09/2005	12D6	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
182	093390	Trần Quốc Hùng	10/03/2005	12D	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
183	093391	Vương Xuân Hùng	15/09/2005	12D	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
184	093392	Hoàng Công Tuấn Hưng	22/10/2005	12D7	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
185	093393	Nguyễn Ngọc Hưng	10/08/2005	12D1	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
186	093394	Nguyễn Nhân Hưng	01/09/2005	12D3	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
187	093395	Nguyễn Văn Hưng	04/05/2005	12A1	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
188	093396	Đặng Thu Hương	23/11/2005	12D7	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
189	093397	Hà Minh Hương	29/01/2005	12D4	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
190	093398	Lê Thị Khánh Hương	07/11/2005	12D4	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
191	093399	Võ Thị Hương	04/10/2005	12D5	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
192	093400	Nguyễn Thị Hường	14/11/2005	12D2	THPT Tiền Phong	145	145		145	149	
193	093401	Bùi Quốc Huy	19/06/2005	12D6	THPT Tiền Phong	146	146		146	149	
194	093402	Đàm Quang Huy	02/01/2005	12A1	THPT Tiền Phong	146	146		146	149	
195	093403	Đỗ Xuân Huy	06/11/2005	12D4	THPT Tiền Phong	146	146		146	149	
196	093404	Nguyễn Doãn Huy	04/09/2005	12D	THPT Tiền Phong	146	146		146	149	
197	093405	Nguyễn Văn Huy	22/08/2005	12D	THPT Tiền Phong	146	146		146	149	
198	093406	Phạm Quốc Huy	17/10/2005	12A	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
199	093407	Trần Gia Huy	05/07/2005	12D7	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
200	093408	Đặng Thị Huyền	31/07/2005	12D	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
201	093409	Đinh Thị Thanh Huyền	20/11/2005	12A1	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
202	093410	Lưu Minh Huyền	27/08/2005	12D1	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
203	093411	Nguyễn Thị Thu Huyền	28/01/2005	12D2	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
204	093412	Nguyễn Thị Huyền	03/06/2005	12D3	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
205	093413	Nguyễn Thị Khánh Huyền	05/08/2005	12D3	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
206	093414	Nguyễn Thị Thanh Huyền	13/09/2005	12D5	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
207	093415	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/04/2005	12D7	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
208	093416	Phan Thị Thanh Huyền	04/07/2005	12D5	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
209	093417	Vũ Thị Thanh Huyền	28/04/2005	12A	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
210	093418	Phan Quang Khải	26/09/2005	12D5	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
211	093419	Hà Công Khanh	28/11/2005	12A1	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
212	093420	Ngô Quang Khoa	15/08/2005	12D6	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
213	093421	Trần Ngọc Khoa	09/05/2005	12D6	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
214	093422	Nguyễn Trung Kiên	05/12/2005	12A1	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
215	093423	Nguyễn Phương Lan	14/09/2005	12D5	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
216	093424	Nguyễn Thị Ngọc Lan	16/12/2005	12D3	THPT Tiền Phong	146	146		146	150	
217	093425	Đặng Thị Bích Liên	08/12/2005	12D2	THPT Tiền Phong	147	147		147	150	
218	093426	Vũ Diệu Liên	15/01/2005	12D5	THPT Tiền Phong	147	147		147	150	
219	093427	Đặng Thị Phương Linh	27/07/2005	12D4	THPT Tiền Phong	147	147		147	150	
220	093428	Đinh Mỹ Linh	22/07/2005	12D5	THPT Tiền Phong	147	147		147	150	
221	093429	Đỗ Phương Linh	17/07/2005	12D3	THPT Tiền Phong	147	147		147	150	
222	093430	Dương Ngọc Linh	02/01/2005	12A1	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
223	093431	Kiều Phương Linh	22/08/2005	12D7	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
224	093432	Lã Khánh Linh	14/12/2005	12D2	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
225	093433	Lê Nguyễn Ngọc Linh	09/10/2005	12D5	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
226	093434	Nguyễn Huy Linh	05/10/2005	12D6	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
227	093435	Nguyễn Thị Linh	05/07/2005	12D	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
228	093436	Nguyễn Thị Diệu Linh	04/08/2005	12D	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
229	093437	Nguyễn Thùy Linh	06/12/2005	12D1	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
230	093438	Phạm Thùy Linh	30/05/2005	12D	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
231	093439	Vương Thùy Linh	11/12/2005	12A	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
232	093440	Vương Thùy Linh	27/02/2005	12D7	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
233	093441	Nguyễn Thị Bích Loan	12/11/2005	12D2	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
234	093442	Tạ Thị Bích Loan	29/08/2005	12D2	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
235	093443	Nguyễn Văn Lộc	03/10/2004	12D2	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
236	093444	Phạm Xuân Lộc	14/03/2005	12D3	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
237	093445	Hoàng Long	12/06/2005	12A	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
238	093446	Ngô Văn Luận	20/08/2005	12D1	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
239	093447	Trương Thị Lương	28/11/2005	12D5	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
240	093448	Nguyễn Thị Lý	02/09/2005	12D1	THPT Tiền Phong	147	147		147	151	
241	093449	Nguyễn Thị Tuyết Mai	17/11/2005	12A1	THPT Tiền Phong	148	148		148	151	
242	093450	Nguyễn Thị Ngọc Mai	01/07/2005	12D3	THPT Tiền Phong	148	148		148	151	
243	093451	Hà Duy Mạnh	15/10/2005	12D3	THPT Tiền Phong	148	148		148	151	
244	093452	Nguyễn Duy Mạnh	23/09/2005	12D1	THPT Tiền Phong	148	148		148	151	
245	093453	Nguyễn Ngọc Mạnh	06/05/2005	12D7	THPT Tiền Phong	148	148		148	151	
246	093454	Nguyễn Văn Mạnh	07/01/2005	12D	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
247	093455	Phạm Tiến Mạnh	13/10/2005	12D1	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
248	093456	Đỗ Văn Minh	11/11/2005	12D6	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
249	093457	Hoàng Ngọc Minh	17/01/2005	12D1	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
250	093458	Nguyễn Đặng Nguyệt Minh	18/08/2005	12D2	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
251	093459	Nguyễn Thị Mùi	03/10/2005	12A	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
252	093460	Lê Thị Trà My	15/05/2005	12D2	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
253	093461	Nguyễn Trà My	19/07/2005	12D	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
254	093462	Lã Xuân Nam	20/02/2005	12A1	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
255	093463	Nguyễn Văn Nam	09/05/2005	12A1	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
256	093464	Nguyễn Văn Nam	18/01/2005	12D6	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
257	093465	Đặng Thúy Nga	21/02/2005	12D7	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
258	093466	Nguyễn Thị Huyền Nga	18/02/2005	12D2	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
259	093467	Nguyễn Thị Nga	31/07/2005	12D7	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
260	093468	Ngô Thị Tuyết Ngân	13/10/2005	12D2	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
261	093469	Ngô Thị Ngân	30/09/2005	12D4	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
262	093470	Nguyễn Kim Ngân	18/04/2005	12D4	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
263	093471	Nguyễn Thị Ngân	17/04/2005	12D	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
264	093472	Trương Thị Thúy Ngân	03/10/2005	12A	THPT Tiền Phong	148	148		148	152	
265	093473	Nguyễn Nhân Nghĩa	09/10/2005	12D4	THPT Tiền Phong	149	149		149	152	
266	093474	Lê Bảo Ngọc	30/03/2005	12D3	THPT Tiền Phong	149	149		149	152	
267	093475	Nguyễn Thị Bích Ngọc	08/01/2005	12A1	THPT Tiền Phong	149	149		149	152	
268	093476	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	31/12/2005	12A1	THPT Tiền Phong	149	149		149	152	
269	093477	Nguyễn Long Nhật	09/07/2005	12D5	THPT Tiền Phong	149	149		149	152	
270	093478	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	14/12/2005	12A1	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
271	093479	Hoàng Thị Thùy Nhung	15/03/2005	12D2	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
272	093480	Nguyễn Thị Nhung	02/08/2005	12D3	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
273	093481	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/09/2005	12D4	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
274	093482	Phùng Thị Nhung	28/08/2005	12D6	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
275	093483	Võ Hồng Nhung	18/01/2005	12D6	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
276	093484	Hà Đức Phong	03/09/2005	12D7	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
277	093485	LÊ THỊ PHÚ	01/03/2005	12D5	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
278	093486	Nguyễn Văn Phúc	28/11/2005	12D5	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
279	093487	Phan Đức An Phúc	19/01/2005	12D7	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
280	093488	Vũ Xuân Phúc	16/04/2005	12A1	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
281	093489	Đặng Anh Phương	16/12/2005	12D7	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
282	093490	Lê Thị Phương	07/02/2005	12D6	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
283	093491	Lê Thị Thu Phương	09/11/2005	12D6	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
284	093492	Nguyễn Thị Khánh Phương	20/02/2005	12D4	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
285	093493	Nguyễn Thùy Phương	18/07/2005	12A1	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
286	093494	Trần Lan Phương	15/08/2005	12D4	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
287	093495	Vương Thị Thu Phương	03/09/2005	12D2	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
288	093496	Nguyễn Thị Lan Phượng	07/01/2005	12D	THPT Tiền Phong	149	149		149	153	
289	093497	Lưu Quý Anh Quân	22/12/2005	12D3	THPT Tiền Phong	150	150		150	153	
290	093498	Nguyễn Hoàng Quân	03/11/2005	12D4	THPT Tiền Phong	150	150		150	153	
291	093499	Nguyễn Văn Quân	21/04/2005	12D3	THPT Tiền Phong	150	150		150	153	
292	093500	Trần Minh Quân	11/01/2005	12D5	THPT Tiền Phong	150	150		150	153	
293	093501	Bùi Đức Quang	21/08/2005	12A1	THPT Tiền Phong	150	150		150	153	
294	093502	Phạm Văn Quang	10/12/2005	12D3	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
295	093503	Nguyễn Tố Quyên	29/05/2005	12D6	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
296	093504	Vương Ngọc Phương Quyên	29/01/2005	12D	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
297	093505	Bùi Công Quyền	14/05/2005	12A	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
298	093506	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	15/06/2005	12D2	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
299	093507	Nguyễn Thị Như Quỳnh	09/10/2005	12D7	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
300	093508	Vũ Thị Như Quỳnh	08/10/2005	12D4	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
301	093509	Nguyễn Quang Sáng	31/10/2005	12D7	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
302	093510	Đặng Duy Sơn	27/07/2005	12D4	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
303	093511	Ngô Hồng Sơn	24/10/2005	12D5	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
304	093512	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	24/08/2005	12D3	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
305	093513	Trần Lam Sơn	29/01/2005	12D5	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
306	093514	Trần Văn Sơn	06/06/2005	12D	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
307	093515	Đào Đức Tài	27/11/2005	12D6	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
308	093516	Nguyễn Anh Tài	16/01/2004	12D6	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
309	093517	Đỗ Thị Huệ Tâm	11/09/2005	12D5	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
310	093518	Lê Thị Hạnh Tâm	03/01/2005	12D2	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
311	093519	Nguyễn Minh Tâm	05/08/2005	12D	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
312	093520	Phạm Thị Tâm	15/02/2005	12D6	THPT Tiền Phong	150	150		150	154	
313	093521	Nguyễn Thế Tấn	14/07/2005	12D7	THPT Tiền Phong	151	151		151	154	
314	093522	Đặng Quốc Thắng	04/11/2005	12D1	THPT Tiền Phong	151	151		151	154	
315	093523	Lưu Quang Thắng	08/12/2005	12D4	THPT Tiền Phong	151	151		151	154	
316	093524	Ngô Quang Thắng	17/05/2005	12A1	THPT Tiền Phong	151	151		151	154	
317	093525	Ngô Quang Thắng	16/08/2005	12D3	THPT Tiền Phong	151	151		151	154	
318	093526	Nguyễn Duy Thắng	15/10/2005	12D	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
319	093527	Nguyễn Văn Thắng	09/04/2005	12D5	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
320	093528	Nguyễn Thị Phương Thanh	19/01/2005	12D	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
321	093529	Bùi Đức Tất Thành	19/12/2005	12A1	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
322	093530	Ngô Tiến Thành	20/12/2005	12D4	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
323	093531	Nguyễn Công Thành	13/07/2005	12D5	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
324	093532	Nguyễn Đức Thành	21/06/2005	12D5	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
325	093533	Nguyễn Minh Thành	10/10/2005	12D1	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
326	093534	Lê Thị Ngọc Thảo	17/10/2005	12D2	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
327	093535	Lưu Thị Bích Thảo	04/10/2005	12D4	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
328	093536	Ngô Thị Thảo	04/09/2005	12D	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
329	093537	Nguyễn Thị Xuân Thảo	27/05/2005	12D3	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
330	093538	Vương Thị Phương Thảo	24/01/2004	12D3	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
331	093539	Nguyễn Thanh Thịnh	15/08/2005	12D6	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
332	093540	Nguyễn Văn Thịnh	12/10/2005	12D2	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
333	093541	Hoàng Thị Anh Thơ	20/10/2005	12D1	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
334	093542	Hoàng Thị Thu	10/10/2005	12D4	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
335	093543	Lê Thị Thu	16/01/2005	12D6	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
336	093544	Nguyễn Thị Hoài Thu	18/09/2005	12D4	THPT Tiền Phong	151	151		151	155	
337	093545	Nguyễn Đức Minh Thư	28/06/2005	12D1	THPT Tiền Phong	152	152		152	155	
338	093546	Đặng Thị Thức	01/11/2005	12D1	THPT Tiền Phong	152	152		152	155	
339	093547	Phan Thị Thúy	09/04/2005	12D2	THPT Tiền Phong	152	152		152	155	
340	093548	Nguyễn Thu Thùy	01/11/2005	12D6	THPT Tiền Phong	152	152		152	155	
341	093549	Võ Thị Thủy	12/04/2005	12A1	THPT Tiền Phong	152	152		152	155	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
342	093550	Đặng Duy Tiến	13/10/2005	12D4	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
343	093551	Nguyễn Thị Hồng Tình	15/08/2005	12D4	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
344	093552	Phan Văn Tỉnh	30/03/2005	12D4	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
345	093553	Phùng Mai Trâm	15/10/2005	12D1	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
346	093554	Chử Thị Thu Trang	09/01/2005	12D7	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
347	093555	Đặng Thu Trang	23/12/2005	12D2	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
348	093556	Đỗ Thị Huyền Trang	11/04/2005	12D1	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
349	093557	Đoàn Thị Thùy Trang	22/11/2005	12D7	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
350	093558	Lâm Thị Trang	05/11/2005	12D7	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
351	093559	Lý Thị Kiều Trang	20/05/2005	12D4	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
352	093560	Ngô Thu Trang	15/04/2005	12D2	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
353	093561	Nguyễn Hà Trang	12/05/2005	12D4	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
354	093562	Nguyễn Thị Thu Trang	28/09/2005	12D4	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
355	093563	Nguyễn Thị Trang	18/09/2005	12D5	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
356	093564	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/01/2005	12D5	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
357	093565	Nguyễn Tiến Trọng	20/05/2005	12D2	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
358	093566	Ngô Văn Trung	21/12/2005	12D7	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
359	093567	Nguyễn Hoàng Trung	22/04/2005	12D	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
360	093568	Tạ Đình Trung	22/09/2005	12D6	THPT Tiền Phong	152	152		152	156	
361	093569	Lê Đức Trường	03/08/2005	12D5	THPT Tiền Phong	153	153		153	156	
362	093570	Nguyễn Ngọc Trường	20/10/2005	12D6	THPT Tiền Phong	153	153		153	156	
363	093571	Tăng Văn Trường	27/05/2005	12D7	THPT Tiền Phong	153	153		153	156	
364	093572	Đoàn Anh Tú	06/04/2005	12D5	THPT Tiền Phong	153	153		153	156	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
365	093573	Nguyễn Anh Tú	26/09/2005	12D7	THPT Tiền Phong	153	153		153	156	
366	093574	Phạm Anh Tú	28/07/2005	12D4	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
367	093575	Lê Quốc Tuấn	14/02/2005	12D3	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
368	093576	Nguyễn Hữu Tuấn	13/02/2005	12D7	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
369	093577	Phạm Trọng Tuấn	22/08/2005	12A1	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
370	093578	Hoàng Thanh Tùng	11/07/2005	12D6	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
371	093579	Nguyễn Doãn Tùng	25/11/2005	12D	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
372	093580	Nguyễn Đức Tùng	02/12/2005	12D6	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
373	093581	Nguyễn Thanh Tùng	21/08/2005	12D	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
374	093582	Nguyễn Thanh Tùng	30/07/2005	12D1	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
375	093583	Vương Thế Tùng	01/09/2005	12D1	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
376	093584	Nguyễn Mạnh Tường	29/03/2005	12D4	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
377	093585	Nguyễn Duy Tuyến	28/10/2005	12D	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
378	093586	Nguyễn Bùi Phương Tuyết	30/12/2005	12D3	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
379	093587	Nguyễn Thị Bông Tuyết	15/02/2005	12D7	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
380	093588	Phạm Thị Ánh Tuyết	15/02/2005	12A1	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
381	093589	Ngô Thanh Vân	06/11/2005	12D3	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
382	093590	Nguyễn Phương Vân	23/08/2005	12D6	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
383	093591	Lê Quốc Việt	20/12/2005	12D4	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
384	093592	Nguyễn Ánh Việt	24/08/2005	12A	THPT Tiền Phong	153	153		153	157	
385	093593	Nguyễn Văn Việt	22/01/2005	12D2	THPT Tiền Phong	154	154		154	157	
386	093594	Tô Quốc Việt	02/12/2005	12D1	THPT Tiền Phong	154	154		154	157	
387	093595	Vũ Đức Việt	10/01/2005	12D	THPT Tiền Phong	154	154		154	157	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Trường (Trung tâm)	Số hiệu phòng thi môn					Ký xác nhận
						Văn	Toán	KHTN	NN	KHXH	
388	093596	Nguyễn Khắc Vinh	25/04/2005	12D4	THPT Tiền Phong	154	154		154	157	
389	093597	Nguyễn Ngọc Vinh	24/12/2005	12D2	THPT Tiền Phong	154	154		154	157	
390	093598	Phan Quang Vinh	20/02/2005	12D5	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
391	093599	Trần Công Vinh	23/10/2005	12D2	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
392	093600	Đàm Duy Vũ	18/10/2005	12D6	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
393	093601	Nguyễn Bá Tuấn Vũ	01/11/2004	12D5	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
394	093602	Nguyễn Hồng Vũ	14/07/2005	12D3	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
395	093603	Nguyễn Văn Vượng	31/12/2005	12D7	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
396	093604	Vũ Lê Triệu Vy	10/05/2005	12D3	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
397	093605	Lê Thị Xuân	09/05/2005	12D6	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
398	093606	Phạm Thanh Xuân	23/04/2004	12D6	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
399	093607	Vũ Thị Như Ý	16/02/2005	12D2	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
400	093608	Nguyễn Hoàng Yến	23/12/2005	12D1	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	
401	093609	Nguyễn Thị Hải Yến	01/05/2005	12D1	THPT Tiền Phong	154	154		154	158	